

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2021/HS-ST

Ngày: 27 - 4 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hưng Quang.
2. Bà Trần Thị Ngọc Linh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Văn Hồng Lễ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Hải Điền, Kiểm sát viên.

Ngày 27/4/2021, tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2021/TLST-HS ngày 08/3/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-HS ngày 24/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/HSST-QĐ ngày 20/4/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Quốc H (S), sinh ngày 29/11/2003, tại tỉnh Bình Thuận. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố M, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Quốc V và bà Nguyễn Thị T; Vợ, con: Không có; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 tiền sự, ngày 13/5/2020 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”;

Hoạt động nhân thân: Ngày 11/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng trong thời hạn 12 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong quyết định đưa vào trường giáo dưỡng ngày 31/12/2019.

Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- ***Người đại diện hợp pháp của bị cáo:*** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Là mẹ của bị cáo, có mặt. Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1974 là cha của bị cáo, hiện đã rời khỏi nơi cư trú, không rõ đi đâu.

- ***Bị hại:*** Ông Huỳnh Văn T2, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố T1, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị Ánh H1, sinh năm 1967. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã P1, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 45 phút ngày 04/8/2020 Nguyễn Quốc H điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius biển số 86B1-409.02 chạy lòng vòng thị trấn P để tìm tài sản trộm cắp. H đi đến đường Thống Nhất thuộc Khu phố T1, thị trấn P, huyện Tuy Phong thấy tiệm tạp hóa của Huỳnh Văn T2 nên nảy sinh ý định chiếm đoạt thùng bia của T2. H dừng xe mô tô và cầm sẵn chìa khóa trên xe để trên đường sát vỉa hè trước tiệm tạp hóa của T2. H đi vào bên trong tiệm tạp hóa của T2 và đứng ở gần quầy tính tiền, H bảo T2 bán cho H 01 thùng bia Tiger, T2 đồng ý và đưa cho H 01 thùng bia Tiger. H tiếp tục bảo T2 bán cho H thêm 10 gói mỳ tôm, T2 mang mỳ tôm ra để trên quầy tính tiền. H nhìn thấy khoảng cách giữa H và T2 gần không bỏ chạy được nên bảo T2 bán thêm 01 chai tương ớt. T2 quay lưng đi vào lấy tương ớt cho H thì H ôm thùng bia Tiger ra bỏ trên ba ga xe mô tô và nhanh chóng nổ máy xe mô tô bỏ chạy đi. T2 phát hiện nên đuổi theo nắm vào phần đuôi xe mô tô của H kéo lại, H tăng ga bỏ chạy nên làm T2 bị té ngã. Sau đó, H mang 01 thùng bia Tiger vừa cướp giật được đến tiệm tạp hóa của Nguyễn Thị Ánh H1 ở thôn B, xã P1, huyện Bắc Bình bán cho H1. H1 không biết tài sản trên do H phạm tội mà có nên đồng ý mua và đưa cho H 290.000 đồng.

Theo biên bản và kết luận định giá tài sản số 89/KL-HĐĐG ngày 30/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tuy Phong, kết luận:

+ 01 thùng bia Tiger 24 lon (Tiger xanh), trị giá:

330.000 đồng/thùng x 1 = 330.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 29/CT-VKS-TP ngày 05/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận đã truy tố bị cáo Nguyễn Quốc H về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong:* Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố tại cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H từ 06 – 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Về bồi thường dân sự đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến của bị hại:* Bị hại vắng mặt tại phiên tòa. Theo biên bản lấy lời khai bị hại ngày 19/4/2021 tại Tòa án, bị hại yêu cầu: về hình phạt, xét xử bị cáo theo pháp luật; về bồi thường dân sự: yêu cầu bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền 4.330.000 đồng (bốn triệu ba trăm ba mươi

ngàn đồng) (4.000.000 đồng chi phí điều trị thuốc men, 330.000 đồng giá trị thùng bia Tiger), bị hại không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh chi phí điều trị thuốc men tổng cộng là 4.000.000 đồng.

- *Ý kiến bị cáo*: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong là đúng, không oan. Bị cáo không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại đối với số tiền 4.000.000 đồng chi phí điều trị thuốc men vì không có hóa đơn, chứng từ.

- *Ý kiến đại diện hợp pháp của bị cáo*: Thống nhất với lời trình bày của bị cáo, không bổ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là đầy đủ và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy bị hại đã cung cấp đầy đủ lời khai, việc vắng mặt của bị hại không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Xét thấy bị cáo Nguyễn Quốc H thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai phạm tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 04/8/2020, tại tiệm tạp hóa của ông Huỳnh Văn T2 trên đường Thống Nhất thuộc Khu phố T1, thị trấn P, huyện Tuy Phong, bị cáo Nguyễn Quốc H có hành vi cướp giật 01 thùng bia Tiger của ông Huỳnh Văn T2 rồi nhanh chóng tẩu thoát. Theo kết luận định giá tài sản thì giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 330.000 đồng. Việc bị cáo H yêu cầu ông T2 bán cho bị cáo H thêm 10 gói mì tôm, 01 chai tương ớt, đây là thủ đoạn của bị cáo nhằm tạo điều kiện thuận lợi để bị cáo thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Do đó hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái nhưng vì muốn có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên cố tình thực hiện hành vi cướp giật tài sản, do đó cần áp dụng mức án nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung. Khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản, bị cáo dưới 18 tuổi do đó Hội đồng xét xử sẽ xem xét hình phạt đối với bị cáo theo quy định tại Chương XII Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo phải bồi thường số tiền 4.330.000 đồng (bốn triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) gồm 02 khoản: 4.000.000 đồng (chi phí điều trị, thuốc men) và 330.000 đồng (giá trị tài sản bị chiếm đoạt), tại phiên tòa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo không chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Xét thấy hiện nay bị hại chưa có điều kiện chứng minh đối với yêu cầu bồi thường 4.000.000 đồng trên là có căn cứ và việc giải quyết vấn đề bồi thường này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự nên Hội đồng xét xử tách yêu cầu này ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự theo Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự, ông Huỳnh Văn T2 có quyền khởi kiện bị cáo bồi thường dân sự về chi phí điều trị, thuốc men và các yêu cầu khác nếu có yêu cầu. Đối với số tiền 330.000 đồng là giá trị tài sản bị chiếm đoạt, xét thấy yêu cầu này là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản khi từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi nên căn cứ khoản 2 Điều 586 Bộ luật dân sự thì trong trường hợp bị cáo H không đủ tài sản để bồi thường thì cha mẹ của bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình cho bị hại.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 86B1-409.02 cho bà Nguyễn Thị T (mẹ ruột bị cáo) là có căn cứ.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Quốc H phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ: khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quốc H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng: khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 288, Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc H phải trả cho ông Huỳnh Văn T2 số tiền 330.000 đồng (ba trăm ba mươi nghìn đồng). Trường hợp, bị cáo Nguyễn Quốc H không có tài sản hoặc không đủ tài sản để bồi thường số tiền 330.000 đồng cho ông Huỳnh Văn T2 thì cha mẹ của bị cáo H là ông Nguyễn Quốc V và bà Nguyễn Thị T phải liên đới bồi thường cho ông Huỳnh Văn T2 cho đến khi đủ số tiền 330.000 đồng (ba trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Huỳnh Văn T2 có quyền khởi kiện bị cáo bồi thường dân sự về chi phí điều trị, thuốc men và các yêu cầu khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

2. Về án phí:

Áp dụng: Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tuy Phong;
- Công an huyện Tuy Phong;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tuy Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đồng Vũ